TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm – Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Minh Tân
2. Bà Trần Thị Phiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2018/TLST- HNGĐ ngày 14/6/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Khóm Phú M, TT. Cái TH, huyện C, Đồng Tháp.
Tạm trú: 278B, ấp 2, xã Phú N, TP BT, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: Trần Bá V, sinh năm 1976
Địa chỉ: khóm Phú Mỹ, TT. Cái TH, huyện C, Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh V quen biết nhau, qua thời gian tìm hiểu được gia đình hai bên tổ chức cưới vào năm 2003 và chung sống với nhau đến năm năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Chị T và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh V thường xuyên đi uống rượu với bạn bè rồi về nhà kiếm chuyện đánh đập vợ con. Chị T và cha mẹ anh V khuyên nhiều lần nhưng anh V không thay đổi nên chị đã gửi đơn đến Tòa án nhiều lần để yêu cầu được ly hôn

nhưng anh V cho rằng còn tình cảm với chị và hứa sẽ sửa đổi nhưng về đến nhà là anh vẫn tính nào tật ấy, không sửa được. Vì vậy, chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, từ lúc vợ chồng sống ly thân anh V cũng không điện thoại liên lạc gì với chị.

- *Về con chung:* có 02 con chung tên Trần Bá Ksinh ngày 7/7/2006 và Trần Hoài A sinh ngày 22/8/2012. Chị T yêu cầu được nuôi 02 con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con (02 con đang sống với chị T).

- *Tài sản chung*: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung:* không có

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Trần Bá V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Thời gian chung sống như chị T trình bày là đúng, anh chị quen biết và tìm hiểu nhau, được gia đình tổ chức cưới vào năm 2003 và đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 do anh thường hay đi nhậu về có lớn tiếng la đánh chị T. Vì vậy, chị T giận bỏ đi Vng Tàu sinh sống nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Thời gian chị T bỏ đi anh có điện thoại động viên chị T trở về nhưng chị T không đồng ý. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* có 02 con chung như chị T trình bày. Anh V đồng ý để 02 con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con (02 con đang sống với chị T).

- *Tài sản chung*: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung:* không có

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩn phán đã tuân thủ theo đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định tại Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T.Về con chung: Căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân gia đình giao cháu Trần Bá Kvà Trần Hoài A cho chị T nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T với anh Trần Bá V là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ kiện.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Bá V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do anh V thường uống rượu về chửi mắng chị T, chị T có khuyên nhiều lần nhưng anh V chưa sửa đổi được nên chị T bỏ đi từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu được ly hôn với anh V. Tại phiên tòa anh V đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã thật sự trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

[2.2] *Về nuôi con chung*:

Chị T yêu cầu được nuôi 02 con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Tại phiên tòa anh V đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi chị T và anh V sống ly thân thì cháu Kvà cháu A sinh sống cùng chị T. Cuộc sống của hai cháu đã ổn định, cháu Kcó nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, nên giao hai cháu Trần Bá Kvà Trần Hoài A cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên anh V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung:* vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* không có.

[2.5]*Về án phí:* Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Bá V.

2. *Về nuôi con chung:* Giao 02 cháu Trần Bá Ksinh ngày 7/7/2006 và Trần Hoài A sinh ngày 22/8/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng (chị T đang nuôi con). Anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung:* không có.

5. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 14/6/2018 theo biên lai số 03150 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được chuyển thành án phí chị T phải nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện C;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H. C
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thiêm